

Số: 544/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 7 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án “Triển khai thí điểm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2023 - 2025”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-TTg, ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 03/TTr-SYT ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Triển khai thí điểm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2023 - 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế;
- TTr Tỉnh ủy-HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KTTH, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

ĐỀ ÁN

**Triển khai thí điểm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm
Y tế xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2023 – 2025**

(Ban hành kèm theo QĐ số: 544/QĐ-UBND ngày 7/4/2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

Phần I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định số 2348/QĐ-TTg, ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới. Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở”; Quyết định số 1700/QĐ-TTg ngày 28/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở”.

Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Thông tư số 18/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của Trạm Y tế tuyến xã.

Quyết định số 831/QĐ-BYT, ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

II. SỰ CẦN THIẾT

1. Thực trạng

- Hiện nay toàn tỉnh có 175 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn được giao 515 giường bệnh, bình quân 03 giường/Trạm Y tế; có 869 cán bộ y tế tuyến xã, bình quân có 4,9 cán bộ y tế/ Trạm Y tế, 10/11 xã triển khai thí điểm trong năm 2023 có bác sĩ công tác tại Trạm Y tế. Tuy nhiên cơ cấu nhân lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên y tế chưa phát huy hết vai trò, năng lực chuyên môn trong chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định.

- Trong giai đoạn 2020 - 2024, có 46 Trạm Y tế sẽ được Dự án y tế cơ sở (Bộ Y tế) hỗ trợ đầu tư xây mới, cải tạo với tổng kinh phí đầu tư là 172.292 triệu đồng; nhằm đảm bảo cơ sở vật chất nhà trạm khang trang, sạch đẹp đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Các Trạm Y tế xã phải tham gia công tác khám chữa bệnh ban đầu và thực hiện nhiệm vụ về y tế dự phòng như: Tiêm chủng vắc xin phòng bệnh; phòng, chống bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về vệ sinh môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn; y tế học đường; dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, an toàn vệ sinh thực phẩm...

- Tuy nhiên, thực hiện nhiệm vụ của Trạm Y tế theo quy định còn nhiều hạn chế, đặc biệt là tỷ lệ khám chữa bệnh còn thấp, chủ yếu khám bệnh kê đơn ngoại trú; phát hiện và quản lý điều trị bệnh mạn tính tại Trạm số lượng ít, trung bình khoảng 100 bệnh nhân/xã/năm; các Trạm mới triển khai được khoảng 60% dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã còn thấp, chủ yếu là tiền thuốc và tiền khám bệnh.

- Trang thiết bị đáp ứng nhu cầu khám cấp cứu ban đầu, tỷ lệ xã có máy siêu âm, xét nghiệm còn thấp (chỉ có 6/11 xã triển khai thí điểm trong năm 2023 có máy siêu âm, một số xã có Máy xét nghiệm nước tiểu, chưa có Máy xét nghiệm huyết học, sinh hóa).

2. Sự cần thiết

Với mục tiêu nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đặc biệt là tuyến xã, bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn, cung ứng dịch vụ theo hướng toàn diện, liên tục, phối hợp và lồng ghép chặt chẽ giữa dự phòng và điều trị giữa các cơ sở y tế trên địa bàn và với tuyến trên, góp phần giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên, bảo đảm công bằng, hiệu quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; được bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tham gia bảo hiểm y tế và thụ hưởng các dịch vụ y tế.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc ban hành Đề án: **“Triển khai thí điểm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2023 - 2025”** là thật sự cần thiết và là cơ sở để nhân rộng mô hình góp phần nâng cao năng lực y tế tuyến cơ sở.

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng thí điểm nâng cao chất lượng hoạt động Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe một cách toàn diện, góp phần tăng cường chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và góp phần giảm quá tải bệnh viện.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% các xã thí điểm nâng cao chất lượng công tác khám bệnh, chữa bệnh: tăng tỷ lệ khám chữa bệnh tại Trạm Y tế, tăng tỷ lệ thực hiện dịch vụ kỹ thuật và giảm tỷ lệ chuyển tuyến.

- 100% các xã thí điểm tổ chức triển khai thực hiện tốt các hoạt động về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng, sức khỏe trẻ em, Dân số và Kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ), an toàn vệ sinh thực phẩm...

- 100% các xã thí điểm thực hiện tốt quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm: Tăng huyết áp, đái tháo đường, lao, COPD, phát hiện sớm và quản lý ung thư cổ tử cung...

- 100% dân số tại các xã thí điểm được lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe và cập nhật đầy đủ thông tin trên phần mềm quản lý y tế xã, phường liên thông.

II. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Đề án thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2025, cụ thể: Năm 2023: triển khai 11 xã (*chi tiết tại Phụ lục I*); Năm 2024: triển khai 22 xã; Năm 2025: triển khai 33 xã.

Hàng năm tổ chức sơ kết đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện đề án. Cuối năm 2025 tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả đề án để làm cơ sở nhân rộng mô hình thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở

- Các Trạm Y tế xã tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện việc quản lý sức khỏe toàn diện, liên tục cho từng người dân trên địa bàn, tập trung vào việc theo dõi, tư vấn về sức khỏe, chăm sóc giảm nhẹ, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em; phòng chống các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm, quản lý các bệnh mạn tính; khám bệnh, chữa bệnh theo chức năng, nhiệm vụ và kết nối, chuyển người bệnh lên các cơ sở y tế tuyến trên.

- Các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố thường xuyên chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ trực tiếp về chuyên môn theo lĩnh vực đối với Trạm Y tế xã, gắn với Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe với các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Thực hiện tin học hóa các hoạt động của y tế cơ sở và quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe của từng người dân trên phần mềm; hoàn thiện đồng bộ và kết nối hệ thống thông tin giữa y tế xã với y tế huyện, tuyến tỉnh; thống nhất việc chuẩn hóa, ánh xạ danh mục dùng chung; quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, quản lý Y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế xã.

- Hướng dẫn các Trạm Y tế xã, y tế thôn bản tích cực tham gia các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và hành vi của người dân để bảo vệ và nâng cao sức khỏe, các hoạt động về y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu ngay tại cộng đồng.

2. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Rà soát và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các Trạm Y tế đảm bảo có đủ buồng/phòng theo quy định để thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn. Tổ chức sắp xếp các buồng/phòng của các Trạm Y tế theo hướng ưu tiên công tác cấp cứu, khám bệnh, tiêm chủng, truyền thông tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản và KHHGD (Trạm Y tế đảm bảo đủ các phòng tối thiểu theo Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thiết kế cơ bản Trạm Y tế xã, phường, thị trấn).

- Xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của người dân. Bổ sung đầy đủ trang thiết bị cơ bản cho hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế (theo Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của Trạm Y tế tuyến xã).

- Đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời thuốc, vật tư, hóa chất cho các Trạm Y tế cho công tác phòng chống dịch và khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế, đặc biệt để thực hiện khám sàng lọc, quản lý điều trị các bệnh mạn tính, không lây nhiễm: Đái tháo đường, Tăng huyết áp, ung thư cổ tử cung... Tổ chức quây thuốc tại các Trạm Y tế xã nhằm cung cấp đầy đủ thuốc điều trị cho người dân tại Trạm Y tế.

3. Tăng cường đào tạo nhân lực

- Tiếp tục đào tạo nhân lực y tế theo mọi hình thức để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho y tế cơ sở; chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật cho Trạm Y tế xã; tăng cường đào tạo nhân viên y tế thôn bản và cô đỡ thôn bản.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chế độ luân phiên hai chiều để tăng cường năng lực cho người hành nghề tại y tế cơ sở theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn

4.1. Các hoạt động dự phòng và phòng chống bệnh không lây nhiễm

- Triển khai các hoạt động giám sát, điều trị kịp thời, không chế chủ động nhằm kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh truyền nhiễm, không chế kịp thời các bệnh, dịch nguy hiểm, đặc biệt quan tâm đến các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới nổi; Tổ chức tuyên truyền, tư vấn về phòng chống bệnh, dịch nguy hiểm; 100% số thôn

bản được giám sát chặt chẽ về các bệnh truyền nhiễm và những bệnh truyền nhiễm gây dịch theo đúng quy định của Bộ Y tế;

- Các nội dung chuyên môn, kỹ thuật để Trạm Y tế triển khai thực hiện các hoạt động về vệ sinh môi trường; dinh dưỡng cân đối, hợp lý; phòng chống các bệnh không lây nhiễm; các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe tại cộng đồng; phòng chống tai nạn thương tích; về y tế học đường....

- Tăng cường các hoạt động phòng, chống, quản lý các bệnh không lây nhiễm tại tuyến xã; sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm, hội chẩn từ xa hỗ trợ Trạm Y tế xã quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm tại Trạm Y tế để không phải chuyển người bệnh lên tuyến trên.

- Triển khai thực hiện việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân theo Quyết định số 831/BYT-QĐ ngày 11/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành kèm Mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Trạm Y tế xã thực hiện ngay việc cập nhật thông tin vào sổ đối với người đã đi khám bệnh, chữa bệnh trong năm tại Trạm Y tế xã; đối với người đi khám, chữa bệnh tại cơ sở tuyến trên và đối với người dân được khám sức khỏe định kỳ.

- Triển khai đầy đủ các kế hoạch tiêm chủng mở rộng; về triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, Lao,... tại Trạm Y tế xã.

- Các hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc sức khỏe, bà mẹ trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em.

4.2. Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

- Tăng cường công tác khám, chữa bệnh tại các Trạm Y tế xã: Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo phân tuyến kỹ thuật và phạm vi hoạt động chuyên môn tại tuyến xã theo quy định; Triển khai thực hiện các dịch vụ theo gói dịch vụ y tế cơ bản quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế quy định gói dịch vụ cho tuyến y tế cơ sở phù hợp với nhu cầu của người dân và điều kiện thực tế của từng Trạm Y tế xã; Triển khai các hoạt động về y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh bằng các phương pháp dùng thuốc và các phương pháp không dùng thuốc.

- Thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn người hành nghề từ tuyến trên (bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện tuyến huyện, các bệnh viện tuyến tỉnh) về Trạm Y tế xã để khám chữa bệnh, cung cấp dịch vụ và chuyển giao kỹ thuật đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, góp phần giảm tỷ lệ chuyển tuyến.

- Trung tâm Y tế huyện, thành phố chủ động kế hoạch điều chuyển nội bộ thiết bị y tế đến Trạm Y tế xã thuộc đề án để phục vụ công tác chẩn đoán, điều trị. Trường hợp cần thiết, cơ sở cử người hành nghề đi hỗ trợ khám chữa bệnh tại Trạm Y tế xã thuộc đề án theo chế độ luân phiên, mang thiết bị y tế của cơ sở tuyến trên đến Trạm Y tế xã để thực hiện dịch vụ kỹ thuật.

- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các Trạm Y tế xã được ưu tiên để chi tăng thu nhập, chi khen thưởng cho viên chức làm việc tại Trạm Y tế theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Y tế huyện.

5. Thông tin, tuyên truyền

- Tổ chức truyền thông về các hoạt động thực hiện tại các xã thí điểm, đặc biệt công tác khám chữa bệnh, triển khai dịch vụ kỹ thuật mới tại xã.

- Truyền thông, tư vấn, vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động để chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, các hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Truyền thông, tư vấn, phổ biến các kiến thức về bảo vệ sức khỏe, chú trọng việc rèn luyện thể lực, tăng cường các hoạt động thể dục, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh; vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu; phòng, chống dịch bệnh tại cộng đồng... để nâng cao nhận thức của người dân về các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng, chống đối với từng nguy cơ.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Thực hiện quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử theo các tiêu chí được Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 về hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân. Sử dụng phần mềm để quản lý sức khỏe cho 100% người dân và phân công cán bộ y tế quản lý đến từng người dân. Người dân có số điện thoại của nhân viên y tế được giao quản lý để được tư vấn khi cần.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các hoạt động của Trạm Y tế, thực hiện phần mềm quản lý sức khỏe liên thông với phần mềm bệnh án điện tử các bệnh viện, phòng khám trong và ngoài công lập và các phần mềm y tế khác để có dữ liệu liên tục được cập nhật khi người dân đi khám, chữa bệnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí:

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 231.554 triệu đồng, trong đó:

1.1. Vốn đầu tư phát triển:	214.119 triệu đồng
- Ngân sách Trung ương:	213.211 triệu đồng
+ Vốn ODA:	204.119 triệu đồng
+ Vốn chương trình mục tiêu:	9.092 triệu đồng
- Ngân sách địa phương (Ngân sách huyện):	1.008 triệu đồng
1.2. Vốn sự nghiệp:	17.435 triệu đồng
- Ngân sách Trung ương (vốn ODA):	15.985 triệu đồng
- Ngân sách địa phương:	1.450 triệu đồng
+ Ngân sách tỉnh:	350 triệu đồng
+ Ngân sách huyện:	1.100 triệu đồng

(Chi tiết phụ lục II, III kèm theo)

2. Nguồn kinh phí đảm bảo

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương:

+ Nguồn vốn thực hiện “Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở”;

+ Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu Quốc gia và mục tiêu, nhiệm vụ khác.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương (gồm ngân sách tỉnh và ngân sách huyện).
- Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại cơ sở.
- Huy động nguồn lực xã hội hóa, nhân dân đóng góp và các nguồn lực hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng và Ủy ban nhân dân huyện rà soát, đề xuất bố trí nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho các Trạm y tế xã theo Dự án y tế cơ sở.

- Báo cáo đề xuất với Bộ Y tế cho triển khai thí điểm Điều trị nội trú ban ngày đối với khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền, phục hồi chức năng tại Trạm Y tế xã.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hàng năm triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các dịch vụ kỹ thuật do bệnh viện tuyến trên triển khai thực hiện tại tuyến xã thực hiện đề án.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị lập kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm theo nội dung của đề án.

- Chỉ đạo các bệnh viện tuyến trên lập kế hoạch hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, tập huấn nâng cao kiến thức chuyên môn cho tuyến xã, khám chữa bệnh từ xa.

- Tổng hợp những khó khăn vướng mắc báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế để xem xét giải quyết.

2. Sở Tài chính

Căn cứ đề án được UBND tỉnh phê duyệt, trên cơ sở nguồn vốn được giao và đề xuất của Sở Y tế, chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp để triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ và bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động khác để triển khai thực hiện Đề án.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại tuyến xã thực hiện đề án.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án thí điểm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm Y tế huyện, thành phố phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Huy động nguồn lực để thực hiện Đề án; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả mục tiêu với các hoạt động y tế khác trên địa bàn.

- Hỗ trợ kinh phí cho Trạm Y tế xã thực hiện các hoạt động của Đề án theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tại địa phương và báo cáo UBND tỉnh (thường trực Sở Y tế) theo quy định./.

Phụ lục I

ĐĂNG KÝ XÃ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 TỈNH HÀ GIANG(Kèm theo Đề án số: ~~544~~/ĐA-UBND, ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Huyện, thành phố	Xã			Ghi chú
		2023	2024	2025	
1	Mèo Vạc	Nậm Ban	2	3	
2	Đồng Văn	Lũng Cú	2	3	
3	Yên Minh	Ngọc Long	2	3	
4	Quản Bạ	Quyết Tiến	2	3	
5	Thành phố Hà Giang	Phương Thiện	2	3	
6	Bắc Mê	Đường Hồng	2	3	
7	Vị Xuyên	Linh Hồ	2	3	
8	Bắc Quang	Hùng An	2	3	
9	Quang Bình	Tiên Yên	2	3	
10	Hoàng Su Phì	Hồ Thầu	2	3	
11	Xín Mần	Thèn Phàng	2	3	
	Tổng	11	22	33	

ch

Phụ lục II

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

**Triển khai thí điểm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang
(giai đoạn 2023-2025)**

(Kèm theo Đề án số: 544 /ĐA-UBND, ngày 07 / 4 /2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Nội dung hoạt động	Tổng số	Phân kỳ thực hiện			Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân kỳ nguồn kinh phí thực hiện									Ghi chú
			2023	2024	2025		Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện			
							2023	2024	2025	2023	2024	2025	2023	2024	2025	
I	Đầu tư cơ sở vật chất					214.119	92.189	60.460	60.462	0	0	0	336	336	336	
1	Xây mới, cải tạo nhà TYT					182.390	60.460	60.460	60.462	0	0	0	336	336	336	
	Xây mới	22	7	7	8	71.821	23.604	23.604	23.605				336	336	336	
	Cải tạo	38	12	13	13	110.569	36.856	36.856	36.857							
2	Nâng cấp trang thiết bị Y tế					31.729	31.729	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Mua TTBYT cho tuyến xã					31.729	31.729									
II	Phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ					15.465	3.145	5.145	7.175	0	0	0	0	0	0	
1	Đào tạo nhân lực					14.640	2.870	4.870	6.900	0	0	0	0	0	0	
1.1.	Tập huấn THA, đái tháo đường	4	2	1	1	280	140	70	70							
1.2.	Tập huấn phát hiện sớm ung thư	1	1			70	70									
1.3	Tập huấn hộ sinh	2	1	1		160	80	80								
1.4	Tập huấn cô đỡ TB	1	1			150	150									
1.5	Tập huấn điều trị lao	2	1	1		160	80	80								
1.6	Tập huấn quản lý TYT	2	1	1		140	70		70							
1.7	Tập huấn về CNTT	2		1	1	160		80	80							
1.8	Tập huấn chuyên môn khác	4	1	2	1	320	80	160	80							

Ch

STT	Nội dung hoạt động	Tổng số	Phân kỳ thực hiện			Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân kỳ nguồn kinh phí thực hiện									Ghi chú
							Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện			
			2023	2024	2025		2023	2024	2025	2023	2024	2025	2023	2024	2025	
1.9	Đào tạo nhân lực					13.200	2.200	4.400	6.600							
2	Nâng cao chất lượng hạt động chuyên môn	0				825	275	275	275	0	0	0	0	0	0	
2,1	Hoạt động dự phòng	0				825	275	275	275	0	0	0	0	0	0	
	Mua hồ sơ quản lý sức khỏe	165000	55000	55000	55000	825	275	275	275							
2,2	Hoạt động khám chữa bệnh	0				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
		0				0										
III	Các hoạt động hỗ trợ đổi mới hệ thống cung ứng dịch vụ	0				1.970	157	163	200	80	115	155	178	356	566	
1	Hội nghị triển khai, sơ kết, đánh giá..	4	2	1	1	200	90	55	55							
2	Hoạt động kiểm tra, giám sát	0				320	67	108	145	0	0	0	0	0	0	
	Tuyển tỉnh đi giám sát	0				185	45	63	77							
	Tuyển huyện đi giám sát	0				135	22	45	68							
3	Hoạt động luân phiên...	0				1.450	0	0	0	80	115	155	178	356	566	
3.1	Tuyển huyện về xã	0				1.100							178	356	566	
3.2	Tuyển tỉnh về xã	0				350				80	115	155				
Tổng cộng						231.554	95.491	65.768	67.837	80	115	155	514	692	902	

(Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi một tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu đồng)

Ch

Phụ lục III

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU TẠI TRẠM Y TẾ XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Kèm theo Đề án số: 544 /ĐA-UBND, ngày 07 / 4 /2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hoạt động	Tổng	Vốn đầu tư phát triển					Vốn Sự nghiệp				
			Tổng	NS Trung ương		NS Địa phương		Tổng	NS Trung ương		NS Địa phương	
				Vốn ODA	CTMT DTTS	NS Tỉnh	NS huyện		Vốn ODA	CTMT DTTS	NS tỉnh	NS huyện
I	Đầu tư CSVC	214.119	214.119	204.019	9.092	0	1.008	0	0	0	0	0
1	Xây mới, cải tạo nhà TYT	182.390	182.390	172.290	9.092	0	1.008	0	0	0	0	0
	Xây mới	71.821	71.821	61.721	9.092		1.008	0				
	Cải tạo	110.569	110.569	110.569				0				
2	Mua sắm trang TBVT	31.729	31.729	31.729				0				
II	Phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ	15.465	0	0	0	0	0	15.465	15.465	0	0	0
1	Đào tạo nhân lực	14.640	0					14.640	14.640			
2	Nâng cao chất lượng HĐCM	825	0					825	825			
III	Hỗ trợ đổi mới hệ thống cung ứng dịch vụ	1.970	0	0	0	0	0	1.970	520	0	350	1.100
1	Hội nghị, hội thảo	200	0					200	200			
2	Kiểm tra, giám sát	320	0					320	320			
3	Hoạt động luân phiên	1.450	0					1.450			350	1.100
	Tổng cộng	231.554	214.119	204.019	9.092	0	1.008	17.435	15.985	0	350	1.100

(Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi một tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu đồng)

ch

